

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An – HSX: HAH

Đứng trước chu kỳ mở rộng đội tàu

KHUYẾN NGHỊ: THEO DÕI

Giá mục tiêu: 58,900

Upside: +12%

Ngành Vận tải biển | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Dựa trên phương pháp định giá P/E, BSC đưa ra khuyến nghị **THEO DÕI** cổ phiếu **HAH** với **giá mục tiêu = 58,900 VNĐ/CP** (Upside +12% so với giá đóng cửa gần nhất 52,500 VNĐ/CP), dựa trên cơ sở:

Mức P/E mục tiêu = 8.7 lần phản ánh mức định giá trung bình 5 năm trong quá khứ của HAH, đây là giai đoạn **(1)** doanh nghiệp tích cực mở rộng đội tàu và **(2)** giá cước định hạn container thiết lập mức nền mới.

TRIỂN VỌNG 2026F – 2027F

- Giá thuê định hạn neo cao, bù đắp cước giao ngay hạ nhiệt:** giá thuê tàu 1,700 TEU đạt 35,059 USD/ngày (+34% YTD); các hợp đồng tái ký giúp doanh thu cho thuê 2026F/2027F tăng +29%/+9% YoY.
- Sức chở đội tàu tăng 73% đến năm 2028:** tổng sức chở (gồm tàu công ty liên kết) tăng từ 35,800 TEU lên 62,000 TEU nhờ 4 tàu 3,000 TEU (HAH sở hữu) và 2 tàu 7,100 TEU (qua Hải An Green, HAH sở hữu 40%).

DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 2026F

BSC ước tính DTT và LNST-CĐTS năm 2026F lần lượt đạt 5,439 tỷ VNĐ (+7% YoY) và 1,231 tỷ VNĐ (+2% YoY); năm 2027F đạt 5,487 tỷ VNĐ (+1% YoY) và 1,332 tỷ VNĐ (+8% YoY), dựa trên cơ sở:

- Khai thác cảng:** doanh thu 2026F +7% YoY do sản lượng giảm 15% (chuyển một phần sang Nam Hải Đình Vũ) nhưng đơn giá tăng 25%.
- Vận tải:** doanh thu 2026F +6% YoY; mảng cho thuê định hạn +29% bù đắp mảng tự khai thác -6% (sản lượng -21% do chuyển tàu sang cho thuê, giá cước +20%).
- Lợi nhuận:** biên LN gộp 2026F đạt 39.0% (+0.4 đpt); tuy nhiên tỷ lệ lợi ích CĐTS tăng lên 18.5–20% và Hải An Green lỗ giai đoạn đầu khiến LNST-CĐTS chỉ tăng nhẹ; năm 2027F, LNST-CĐTS tăng 8% nhờ đóng góp từ Hải An Green và chi phí lãi vay giảm nhẹ.

RỦI RO: Xung đột tại Trung Đông kéo dài có thể khiến giá năng lượng neo cao, tác động đến chi phí nhiên liệu đầu vào của doanh nghiệp phục vụ cho việc vận hành khai thác tàu.

Trung tâm phân tích BSC

Trần Nguyên Tường Huy

(Chuyên viên phân tích)

Huytnt@bsc.com.vn

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VNĐ):	52,500
Cổ phiếu LH (Triệu):	192
Vốn hoá (Tỷ VNĐ):	9,680
Thanh khoản 30n (Triệu):	0.9
Sở hữu nước ngoài:	24.7%

KQKD	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	3,992	5,091	5,439	5,487
Lợi nhuận gộp	1,267	1,965	2,120	2,237
NPATMI	650	1,207	1,231	1,332
EPS	5,055	6,830	6,226	6,750

I. CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

KQKD Q2/2026: DTT tăng 20% YoY, trong khi LNST-CĐTS tăng 3% YoY. Cụ thể, DTT đạt 1,534 tỷ đồng, và LNST-CĐTS đạt 372 tỷ đồng (+3% YoY). Lũy kế 6T/2026, DTT và LNST-CĐTS lần lượt đạt 2,799 tỷ đồng (+15% YoY) và 672 tỷ đồng (+13% YoY), hoàn thành 54%/65% kế hoạch doanh thu và LNST năm 2026.

- **Doanh thu tăng mạnh nhờ (1)** giá cước nội Á lập đỉnh trong Q2, cùng phụ phí nhiên liệu tăng, và **(2)** các hợp đồng cho thuê định hạn được tái ký ở mức giá cao hơn. Theo đó, doanh thu gộp mảng khai thác tàu đạt 1,502 tỷ đồng (+8% YoY).
- **Biên lợi nhuận gộp thu hẹp** từ 44.4% xuống 41.4% (-3.0 đpt), chủ yếu do giá nhiên liệu tăng mạnh và biên gộp mảng cảng giảm từ 54.0% xuống 45.8% khi HAH chuyển một phần sản lượng sang Nam Hải Đình Vũ.
- **LNST-CĐTS tăng chậm hơn LNST** chủ yếu do **(1)** lợi ích CĐTS tăng lên 95 tỷ đồng, chiếm 20.3% LNST so với 12.7% cùng kỳ, và **(2)** lợi nhuận từ công ty liên kết chuyển sang lỗ 0.5 tỷ đồng, khi Hải An Green (HAH sở hữu 40%) mới đưa Green Park và Green Time vào khai thác từ T4-T5/2026.

Bảng 1: Chi tiết kết quả kinh doanh của HAH so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/2026	Q2/2025	%YoY
DT thuần	1,534	1,275	20%
Giá vốn	-898	-708	27%
Lãi gộp	636	567	12%
CP BH	0	0	
CP QLDN	-37	-32	16%
EBIT	598	534	12%
Lãi từ CTLK	-0.5	6	n.m.
DT tài chính	10	14	-25%
CP tài chính	-38	-39	-3%
TN khác, ròng	9	-2	n.m.
LNTT	579	513	13%
Thuế	-112	-98	14%
LNST	467	414	13%
CĐTS	95	53	79%
LNST-CĐTS	372	362	3%

Chỉ số			
Biên LNG	41.4%	44.4%	-3.0 đpt
Biên EBIT	39.0%	41.9%	-2.9 đpt
Biên LNR	24.3%	28.4%	-4.1 đpt
SG&A/DT	2.4%	2.5%	-0.1 đpt

Nguồn: BSC Research

II. TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2026F - 2027F

Giá thuê định hạn tàu cỡ nhỏ - vừa duy trì ở mức cao, là nền tảng lợi nhuận của HAH

Chúng tôi cho rằng HAH tiếp tục được hưởng lợi từ **(1)** giá thuê định hạn neo cao nhờ nguồn cung tàu feeder khan hiếm và **(2)** nhu cầu vận tải nội Á tích cực, trong khi **(3)** cước giao ngay đã qua đỉnh và **có thể hạ nhiệt dần trong 2027F**.

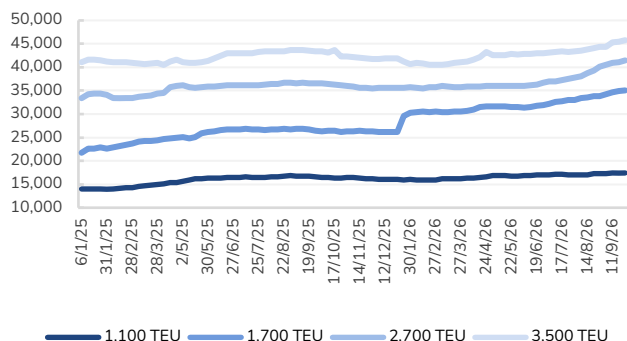
- **Giá thuê định hạn (Time Charter) tàu 1,100–2,700 TEU tiếp tục tăng**

Xung đột tại eo biển Hormuz và Biển Đỏ kéo dài thời gian hành trình, làm giảm nguồn cung vận tải hiệu dụng; chỉ số cước nội Á (IACI) lập đỉnh 1,518 USD/FEU sau khi hạ nhiệt trong T7/2026.

Giá thuê định hạn duy trì xu hướng tăng, cùng chiều với cước giao ngay. Hiện, giá thuê tàu 1,700 TEU đạt 35,059 USD/ngày (+34% YTD), trong khi tàu 2,700 TEU đạt 41,464 USD/ngày (+17% YTD), phản ánh kỳ vọng nguồn cung tàu tiếp tục tương đối thắt chặt trong ngắn hạn.

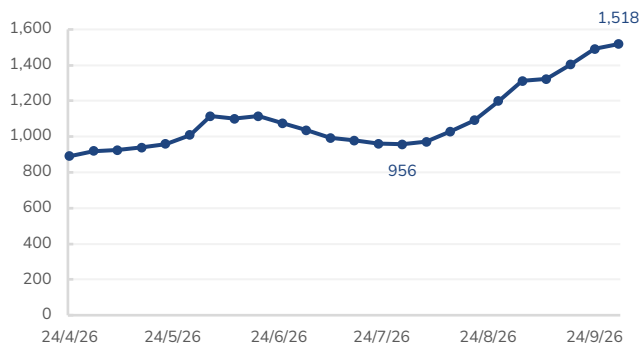
Orderbook toàn cầu ở mức kỷ lục, nhóm tàu từ 12,000 TEU trở lên chiếm 65% tổng sức chở đang đặt đóng, cho thấy xu hướng ưu tiên đầu tư tàu mẹ vẫn chiếm ưu thế. Trong khi đó, tổng orderbook của ba phân khúc tàu nhỏ 0–3k TEU, 3–6k TEU và 6–8k TEU chỉ tương đương 16% đội tàu hiện hữu, trong khi khoảng 29% công suất hiện tại đã trên 20 năm tuổi. **Do đó, nguồn cung mới ở nhóm tàu nhỏ nhiều khả năng được hấp thụ bởi quá trình thay thế và phá dỡ tàu già.**

Hình 1: Diễn biến giá cước T/C 1-Y các phân khúc tàu
Đơn vị: USD/ngày



Nguồn: VHBS, BSC Research

Hình 2: Diễn biến chỉ số Intra-Asia Container Index
Đơn vị: USD/40ft



Nguồn: VHBS, BSC Research

- Giá cước tự khai thác 2026F tăng 20%, hạ nhiệt 10% trong 2027F

Cước nội Á tăng mạnh trong 1H2026 nhờ nhu cầu vận chuyển sớm trước mùa cao điểm, tắc nghẽn cảng và phụ phí nhiên liệu (BAF/EBS) khi giá VLSFO tại Singapore tăng 32% YoY lên 691 USD/tấn.

Chúng tôi giả định giá cước bình quân mảng tự khai thác của HAH tăng 20% trong 2026F và giảm 10% trong 2027F khi căng thẳng địa chính trị lắng dịu. Khu vực nội Á (Vizion dự báo tăng trưởng 6–8% trong 2026F) vẫn là thị trường có quy mô vận chuyển lớn nhất thế giới.

Bảng 2: Quy mô sản lượng container và tăng trưởng theo khu vực trong 2026F

Khu vực	Sản lượng	Tăng trưởng
Á - Âu	13 - 14 triệu TEU	5 - 6%
Thái Bình Dương	23 - 24 triệu TEU	1 - 2%
Nội Á	45 - 47 triệu TEU	6 - 8%
Châu phi, Mỹ Latinh, Trung Đông	15 - 17 triệu TEU	8 - 12%

Nguồn: Vizion, BSC Research

- Nền tảng vĩ mô hỗ trợ nhu cầu vận tải nội địa

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu vận tải container nội địa và nội Á được thúc đẩy thông qua việc gia tăng nhu cầu nhập khẩu hàng hoá và trung chuyển liên cảng trong bối cảnh **(1)** nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 và bình quân giai đoạn 2026–2030 trên 10%, **(2)** các dự án cảng biển trọng điểm như siêu cảng Cần Giờ, Nam Đồ Sơn và Cái Mép Hạ đang được gấp rút triển khai – bổ sung công suất và nâng cao năng lực logistics

Sức chở đội tàu dự kiến tăng 73% đến năm 2028 nhờ chương trình đóng mới 360 triệu USD

Hiện HAH khai thác đội tàu gồm 21 chiếc với tổng sức chở 35,793 TEU (gồm tàu của công ty liên kết An Biên và Hải An Green). Trong năm 2026, Hải An Green đã tiếp nhận Green Park, Green Time (T4–T5/2026) và Buxmelody (T8/2026).

Chúng tôi ước tính tổng công suất đội tàu của HAH có thể tăng ít nhất 73% lên 62,000 TEU trong vòng 3 năm tới nhờ các tàu đóng mới dự kiến được bàn giao trong giai đoạn 2027–2028. Cụ thể, doanh nghiệp đã ký hợp đồng đóng mới 4 tàu loại 3,000 TEU, đồng thời liên doanh Hải An Green Shipping Lines cũng đặt đóng mới thêm 2 tàu loại 7,100 TEU, qua đó mở rộng dư địa về năng lực vận tải và sự hiện diện trên các tuyến quốc tế.

Bảng 3: Thống kê đội tàu của HAH tại thời điểm tháng 5/2026

Tàu	Năm đóng	Tuổi tàu (năm)	Sức chở (TEU)
HAIAN Park	2000	26	787
HAIAN Time	2001	25	1,032
HAIAN Bell	2003	23	1,200
HAIAN Link	2010	16	1,060
HAIAN Mind	2012	14	1,794
HAIAN View	2009	17	1,577
HAIAN East	2008	18	1,702
HAIAN West	2007	19	1,740
HAIAN City	2008	18	1,577
ANBIEN Bay (LDLK)	2008	18	1,708
HAIAN Rose	2008	18	1,708
HAIAN Alfa	2021	5	1,781
HAIAN Beta	2021	5	1,781
ANBIEN Sky (LDLK)	2021	5	1,781
HAIAN Opus	2021	5	1,781
HAIAN Gama	2007	19	3,500
HAIAN Zeta	2010	16	1,700
HAIAN Iris	2011	15	1,024
Green Park (LDLK)	2009	17	1,060
Green Time (LDLK)	2011	15	2,798
Buxmelody (LDLK)	2008	18	2,702
Tổng công suất			35,791

Nguồn: HAH, BSC Research

Bảng 4: Kế hoạch khai thác và thời điểm bàn giao các tàu đóng mới

Tàu	Năm bàn giao	Khai thác	Sở hữu	Sức chở (TEU)
C7100-17	2028	Định hạn	Hải An Green	7,100
C7100-18	2028	Định hạn	Hải An Green	7,100
Vessel 1	Q4/2027	Định hạn	HAH	3,000
Vessel 2	Q1/2028	Spot	HAH	3,000
Vessel 3	Q2/2028	Định hạn	HAH	3,000
Vessel 4	Q3/2028	Spot	HAH	3,000
Tổng công suất				26,200

Nguồn: HAH, BSC Research

III. DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 2026F - 2027F

BSC ước tính DTT và LNST-CĐTS năm 2026F lần lượt 5,439 tỷ VNĐ (+7% YoY) và 1,231 tỷ VNĐ (+2% YoY) dựa trên cơ sở:

- **Doanh thu mảng khai thác cảng 2026F tăng +7% YoY do (1)** sản lượng container giảm 15% còn 500,243 TEU theo kế hoạch ĐHĐCĐ khi HAH chuyển một phần sản lượng sang Nam Hải Đình Vũ, **(2)** đơn giá tăng 25% nhờ điều chỉnh biểu giá dịch vụ.
- **Doanh thu mảng vận tải 2026F tăng +6% YoY: (1)** mảng cho thuê định hạn đạt 1,856 tỷ đồng (+29% YoY) với 8 tàu cho thuê, giá thuê bình quân tàu 1,700 TEU 25,700 USD/ngày; **(2)** mảng tự khai thác đạt 2,576 tỷ đồng (-6% YoY) do sản lượng giảm 21% khi tàu Hải An Iris chuyển sang cho thuê, bù đắp một phần bởi giá cước +20%.
- **Biên LN gộp 2026F đạt 39.0% (+0.4 đpt)** dù giá nhiên liệu HSFO bình quân giả định tăng 30% lên 560 USD/tấn. **Lãi từ công ty liên kết đạt 25 tỷ đồng** do Hải An Green ghi nhận lỗ giai đoạn đầu.

Năm 2027F đạt 5,487 tỷ VNĐ (+1% YoY) và 1,332 tỷ VNĐ (+8% YoY), trong đó:

- **(1)** Doanh thu cho thuê định hạn tăng +9% lên 2,024 tỷ đồng nhờ các hợp đồng được tái ký (giá thuê bình quân tàu 1,700 TEU 28,000 USD/ngày, tàu 3,500 TEU 34,000 USD/ngày), bù đắp **(2)** doanh thu tự khai thác giảm 8% do giá cước giả định giảm 10% khi cảng thẳng địa chính trị lắng xuống; **(3)** doanh thu cảng tăng +6% nhờ sản lượng và đơn giá cùng tăng 3%.
- Biên LN gộp cải thiện lên 40.8% (+1.8 đpt) nhờ tỷ trọng doanh thu cho thuê tăng và giá nhiên liệu giả định giảm 4%, lãi từ công ty liên kết tăng lên 81 tỷ đồng khi Hải An Green khai thác đủ năm 3 tàu; chi phí lãi vay giảm nhẹ xuống 127 tỷ đồng nhờ trả dần nợ gốc vay tàu (tàu đóng mới chủ yếu giải ngân vay từ 2028).

Bảng 5: Dự phóng KQKD của HAH trong năm 2026F

Tỷ đồng	2025	2026F	%YoY	2027F	%YoY
DT thuần	5,091	5,439	7%	5,487	1%
Giá vốn	-3,126	-3,319	6%	-3,250	-2%
Lãi gộp	1,965	2,120	8%	2,237	6%
CP BH	0	0		0	
CP QLDN	-147	-163	11%	-165	1%
EBIT	1,817	1,957	8%	2,072	6%
Lãi từ CTLK	26	25	-5%	81	225%
DT tài chính	52	18	-66%	22	25%
CP tài chính	-147	-130	-12%	-127	-2%
TN khác, ròng	-25	0	-100%	0	
LNTT	1,724	1,870	8%	2,048	10%
Thuế	-323	-360	11%	-384	7%
LNST	1,401	1,510	8%	1,665	10%

CĐTS	194	279	44%	333	19%
LNST-CĐTS	1,207	1,231	2%	1,332	8%

Chỉ số					
Biên LNG	38.6%	39.0%	+0.4 đpt	40.8%	+1.8 đpt
Biên EBIT	35.7%	36.0%	+0.3 đpt	37.8%	+1.8 đpt
Biên LNR	23.7%	22.6%	-1.1 đpt	24.3%	+1.7 đpt
SG&A/DT	2.9%	3.0%	+0.1 đpt	3.0%	+0.0 đpt

Nguồn: BSC Research

IV. Định giá

Dựa trên phương pháp định giá P/E, BSC đưa ra khuyến nghị **THEO DÕI** cổ phiếu **HAH** với **giá mục tiêu = 58,900 VNĐ/CP** (Upside +12% so với giá đóng cửa ngày 07/10/2026), dựa trên cơ sở:

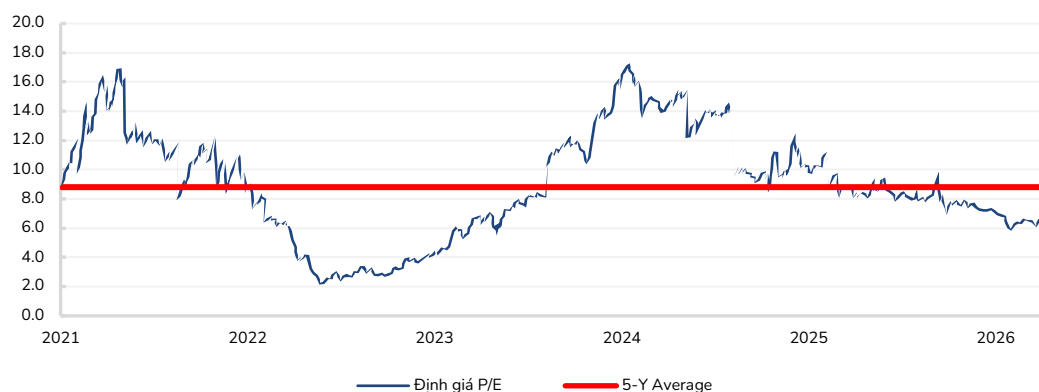
Mức P/E mục tiêu = 8.7 lần phản ánh mức định giá trung bình 5 năm trong quá khứ của HAH, đây là giai đoạn **(1)** doanh nghiệp tích cực mở rộng đội tàu và **(2)** giá cước định hạn container thiết lập mức nền mới.

Bảng 6: Định giá HAH theo phương pháp P/E

Định giá P/E	2027F
EPS FW	6,750
P/E mục tiêu	8.7
Giá mục tiêu	58,900
Giá hiện tại	51.500
Upside	12%

Nguồn: BSC Research

Hình 2: Diễn biến P/E của HAH trong giai đoạn từ 2021 - 2026



Nguồn: BSC Research

Phụ lục

KQKD (Tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	3,992	5,091	5,439	5,487
Giá vốn hàng bán	-2,725	-3,126	-3,319	-3,250
Lợi nhuận gộp	1,267	1,965	2,120	2,237
Chi phí QLDN	-211	-147	-163	-165
Lãi/lỗ HDKD	1,056	1,817	1,957	2,072
Doanh thu tài chính	25	52	18	22
Chi phí tài chính	-119	-147	-130	-127
Chi phí lãi vay	-101	-131	-130	-127
Lợi nhuận từ LDLK	18	26	25	81
Thu nhập khác	-3	-25	0	0
LN trước thuế	977	1,724	1,870	2,048
Thuế thu nhập DN	-177	-323	-360	-384
LN sau thuế	800	1,401	1,510	1,665
CĐTS	150	194	279	333
LNST-CĐTS	650	1,207	1,231	1,332
EPS (SLCP hiện tại)	5,055	6,830	6,226	6,750

CĐKT (Tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
Tiền, tương đương tiền	922	534	682	1,781
Đầu tư ngắn hạn	70	54	54	54
Phải thu ngắn hạn	504	718	768	774
Hàng tồn kho	88	155	165	161
TS ngắn hạn khác	168	103	110	110
TS ngắn hạn	1,753	1,564	1,778	2,881
Phải thu dài hạn	113	782	1,978	1,505
TSCĐ nguyên giá	6,781	7,671	7,751	9,027
Khấu hao	-2,006	-2,587	-3,248	-3,836
TSĐT nguyên giá	0	25	25	25
Khấu hao	0	-10	-10	-10
TS dở dang dài hạn	21	49	49	49
ĐT dài hạn	174	600	1,137	1,403
TS dài hạn khác	454	620	620	620
TS dài hạn	5,537	7,150	8,302	8,782
Tổng TS	7,290	8,714	10,079	11,664
Vay ngắn hạn	532	711	700	586
Nợ ngắn hạn khác	678	803	834	823
Tổng Nợ ngắn hạn	1,210	1,514	1,534	1,409
Vay dài hạn	1,798	1,489	1,428	1,530
Nợ dài hạn khác	310	316	316	316
Tổng Nợ dài hạn	2,108	1,805	1,744	1,846
Tổng Nợ phải trả	3,318	3,319	3,278	3,254
Vốn góp	1,213	1,689	1,918	2,494
Thặng dư vốn	192	306	429	429
Vốn chủ khác	819	1,196	1,773	2,350
Lãi chưa phân phối	1,053	1,319	1,515	1,638
Lợi ích CĐTS	695	885	1,165	1,498
Tổng VCSH	3,972	5,395	6,801	8,409
Tổng nguồn vốn	7,290	8,714	10,079	11,664

LCTT (Tỷ đồng)	2024	2025	2026F	2027F
(Lỗ)/LN TT	977	1,724	1,870	2,048
Khấu hao và phân bổ	457	588	662	588
Thay đổi vốn lưu động	475	-294	-34	-15
Điều chỉnh khác	-103	-309	-458	-544
LCTT từ HĐKD	1,807	1,709	2,039	2,078
Tiền chi mua TSCĐ	-2,088	-1,690	-1,276	-803
Đầu tư khác	27	-317	-495	-162
LCTT từ HĐĐT	-2,061	-2,007	-1,771	-965
Tiền chi trả cổ tức	0	-157	-377	0
Tiền từ vay ròng	929	68	222	-13
Tiền thu khác	0	0	35	0
LCTT từ HĐTC	929	-89	-120	-13
Dòng tiền đầu kỳ	245	922	534	682
Tiền trong kỳ	675	-387	148	1,100
Dòng tiền cuối kỳ	922	534	682	1,781

Chỉ số (%)	2024	2025	2026F	2027F
Khả năng thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	1.45	1.03	1.16	2.05
Hsố TT nhanh	1.38	0.93	1.05	1.93
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	0.46	0.38	0.33	0.28
Hsố Nợ/VCSH	0.84	0.62	0.48	0.39
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	12	18	18	18
Số ngày phải thu ngắn hạn	46	52	52	52
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	31.7%	38.6%	39.0%	40.8%
Lợi nhuận LNST	16.3%	23.7%	22.6%	24.3%
ROE	19.9%	31.0%	24.3%	21.2%
ROA	11.0%	17.5%	16.1%	15.3%
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	52.8%	27.5%	6.8%	0.9%
Tăng trưởng EBIT	117.5%	72.1%	7.7%	5.9%
Tăng trưởng LN TT	117.2%	76.4%	8.5%	9.6%
Tăng trưởng EPS	52.5%	35.1%	-8.8%	8.4%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

Quyền phụ trách Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Quyền phụ trách Nhóm ngành và Doanh nghiệp

Ngành – Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpq@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Vũ Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyrch@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Lưu Thuỳ Linh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Linhlt2@bsc.com.vn

Ngô Trường Giang

Chuyên viên phân tích

Giangnt@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyên Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn